

NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH NHÓM TỚI KHẢ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y

Nguyễn Thị Thu Hiền*

*Khoa Ngoại ngữ, Học viện Quân y,
Số 160, Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 10 tháng 01 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 05 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 05 năm 2018

Tóm tắt: Kỹ năng nói đóng vai trò quan trọng trong việc học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Để đạt được trình độ nói tiếng Anh trôi chảy, mạch lạc như người bản ngữ đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của cả người dạy và người học. Do vậy, trên cương vị của người thầy, các giảng viên tiếng Anh của Khoa Ngoại ngữ, Học viện Quân y luôn áp dụng những phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên, trong đó có phương pháp thuyết trình nhóm. Với mục đích đánh giá hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm tới khả năng nói tiếng Anh của sinh viên, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu 88 sinh viên năm thứ nhất tại Học viện Quân y bằng phương pháp can thiệp xã hội học, so sánh đối chứng giữa có và không có áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm. Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp thuyết trình nhóm đã cải thiện kỹ năng nói của sinh viên qua các chỉ số nghiên cứu: tần số phát âm sai trọng âm, tần số sử dụng từ thiếu chính xác trong diễn đạt, tần số xuất hiện các câu phức trong khi nói, số lần ngừng lại ngắt quãng, tần số xuất hiện các từ nối và số điểm kiểm tra tổng quát.

Từ khóa: phương pháp thuyết trình nhóm, kỹ năng nói, sinh viên năm thứ nhất

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, tiếng Anh được xem là ngôn ngữ sử dụng phổ biến nhất thế giới. Các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính bao gồm Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Canada, Úc, Cộng hòa Ireland, New Zealand, vùng Caribe, khu vực Nam Phi và Nam Á (Crystal, 2003). Bên cạnh vai trò là ngôn ngữ chính, tiếng Anh còn được sử dụng là ngôn ngữ thứ hai ở gần 100 quốc gia trong tổng số 197 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới (Simons, 2017). Vì thế, có thể nói

rằng tiếng Anh đang là một ngoại ngữ vô cùng quan trọng của thời đại ngày nay.

Người ta đánh giá đối với một nước đang phát triển như Việt Nam, tiếng Anh được ví như chiếc chìa khóa vàng có thể giúp con người trong quốc gia đó tiếp cận được những thành tựu khoa học mới. Do vậy việc đầu tư cho quá trình dạy và học tiếng Anh cũng là một cách đầu tư cho tương lai của đất nước. Đó cũng là một lý do mà Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã quy định tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông, cao đẳng, đại học và sau đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008). Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng khuyến khích đội ngũ giảng

¹ ĐT.: 84-972803011

Email: hiennguyenvmmu@gmail.com

viên (GV) tiếng Anh kết hợp linh hoạt và sáng tạo các phương pháp giảng dạy tích cực bởi đó là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học tiếng Anh. Về khả năng ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiếng Anh trong đào tạo sinh viên (SV), Đào Thị Diệu Linh (2017) cho rằng các phương pháp có khả năng ứng dụng tốt bao gồm thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thực hành, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, dạy học theo tình huống... Mỗi phương pháp có những ưu nhược điểm riêng, có tác động không nhỏ tới hiệu quả học tập của SV nói chung và khả năng học tiếng Anh nói riêng. Trên thực tế, có thể còn nhiều phương pháp khác nữa, nhưng Đào Thị Diệu Linh cho rằng hoạt động nhóm, trong đó có phương pháp thuyết trình nhóm là một trong sáu phương pháp được GV sử dụng nhiều nhất nhằm nâng cao khả năng học tiếng Anh của học sinh, SV. Ngoài ra, phương pháp thuyết trình nhóm cũng là phương pháp lý thú được nhiều GV và nhà nghiên cứu khác đầu tư công sức nghiên cứu và triển khai.

Học viện Quân y là một trường đào tạo về chuyên ngành y trong Quân đội. Đây là một nhà trường mang tính đặc thù quân sự rất riêng: nhà trường không chuyên ngữ, ít cơ hội giao lưu với sinh viên ở khối các trường không quân sự khác nên mức độ tự tin trong giao tiếp tiếng Anh phần nào bị hạn chế. Thêm vào đó, SV phải tham gia nhiều hoạt động quân sự khác nhau như rèn luyện thể dục thể thao ngoài giờ học, canh gác đêm theo ca, trực bệnh viện, trực cấp cứu, thực hành các hoạt động phòng chống thảm họa, thiên tai, bảo lụt ngoài giờ học. Do đó thời gian và sự quan tâm tới việc học tiếng Anh đã bị ảnh hưởng không nhỏ. Tiếng Anh được giảng dạy trong nhà trường được áp dụng từ năm thứ nhất đến hết năm thứ hai. Khuôn khổ thời gian đào tạo bị bó buộc, thời gian ngoại khóa dành cho môn tiếng Anh bị hạn hẹp nhưng yêu cầu bắt buộc SV phải có chuẩn đầu ra là trình độ tiếng Anh B1. Do đó, việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho SV Quân y

là một nhiệm vụ cấp thiết và được ưu tiên hàng đầu. Nhiều phương pháp giảng dạy tích cực đã được đội ngũ GV tiếng Anh của nhà trường áp dụng nhưng hiệu quả còn chưa cao. Cho đến thời điểm hiện tại, chưa có công trình nghiên cứu tại Học viện Quân y đánh giá về tính hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm tới khả năng học tiếng Anh nói chung và khả năng nói tiếng Anh nói riêng. Với nỗ lực nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trong giảng dạy tới khả năng nói tiếng Anh của SV Quân y. Kết quả của nghiên cứu là những cơ sở khoa học quan trọng cho các đồng nghiệp và các nhà khoa học sử dụng như là dữ liệu căn cứ trong nghiên cứu và dạy học ngôn ngữ, trong chiến lược xây dựng phương pháp giảng dạy ngôn ngữ Anh. Nó cũng góp phần làm sáng tỏ các căn cứ để xây dựng chương trình và phương pháp dạy học ngoại ngữ của Học viện Quân y trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý luận

Theo Ur (2000), trong bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc viết thì nói thường được đánh giá là kỹ năng quan trọng nhất của quá trình dạy và học một ngoại ngữ. Đó là lý do nhiều người học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng luôn ưu tiên rèn luyện kỹ năng nói nhiều hơn các kỹ năng còn lại. Họ mong đợi được GV cung cấp nhiều cơ hội luyện tập nhằm nâng cao khả năng nói tiếng Anh của mình. Thấu hiểu và nắm bắt được tâm lý người học, các GV tiếng Anh trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay đã từng bước thay đổi phương pháp dạy học cũng như lựa chọn hình thức đánh giá kỹ năng nói phù hợp nhất đối với từng SV. Xét về phương pháp dạy học, các GV đã nhận thấy một số nhược điểm của phương pháp dạy học truyền thống là phương pháp ngữ pháp - dịch như: hoạt động dạy học chỉ diễn ra một chiều - người học hoàn toàn

bị động, không có cơ hội thực hành giao tiếp trong lớp; khả năng sáng tạo và đặc biệt kỹ năng nói của người học bị hạn chế nhiều, từ đó chuyển sang áp dụng một số phương pháp dạy học tích cực bao gồm: phương pháp dạy học theo định hướng giao tiếp, phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp thuyết trình nhóm... Theo Barbara Gross (1993), tham gia thuyết trình nhóm giúp SV “học được nhiều hơn và nhớ lâu hơn so với các hình thức dạy học khác”. Bên cạnh đó, “sử dụng phương pháp thuyết trình nhóm trong lớp học sẽ tạo cơ hội cho người học sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp với nhau một cách tự nhiên nhất” (Apple & Kikuchi, 2007).

Xét về các tiêu chí đánh giá kỹ năng nói, Hieke (1985) đã đưa ra bốn tiêu chí sau: khả năng sử dụng từ vựng (Vocabulary), khả năng phát âm (Pronunciation), tính chính xác về ngữ pháp (Accurate Use of Grammar) và tính trôi chảy và mạch lạc trong diễn đạt (Fluency and Coherence). Hieke (1985) cho rằng khả năng sử dụng từ vựng chuẩn xác là khả năng dùng đúng từ hoặc chọn từ có nghĩa gần sát nhất với ý định của người nói hoặc chủ đề trình bày. Tác giả cũng chỉ ra khả năng phát âm đúng bao gồm: phát âm các nguyên âm (vowel), phụ âm (consonant) của từ một cách chính xác, nhấn đúng trọng âm (stress) và nói đúng ngữ điệu (intonation). Đặc biệt, tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm tiết, có âm tiết được nhấn trọng âm và có âm tiết không được nhấn trọng âm, vì vậy việc phát âm sai trọng âm có thể làm sai nghĩa của từ và có thể làm sai nghĩa của câu. Ví dụ từ “present”, nếu SV nhấn trọng âm vào âm tiết “pre” thì từ này đóng vai trò là danh từ, dịch ra tiếng Việt nghĩa là “món quà”. Nhưng nếu trọng âm được nhấn vào “sent” thì từ này đóng vai trò là động từ, dịch ra tiếng Việt nghĩa là “trình bày”. Trong khi đó, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, người học dễ nhấn tất cả thành trọng âm hoặc không nhấn âm nào do thói quen phát âm hàng ngày. Do vậy, lỗi sai cơ bản của SV khi học nói tiếng Anh là

phát âm sai trọng âm. Nếu SV phát hiện được nhược điểm này và tự điều chỉnh thì trình độ nói sẽ tăng lên.

Để đánh giá khả năng biểu đạt ngữ pháp trong quá trình nói, Hieke (1985) đưa ra 2 hình thức: sử dụng đúng cấu trúc câu khi SV trả lời câu hỏi của người kiểm tra hoặc người đối thoại, sử dụng tốt và linh hoạt các câu đơn với câu phức. Biết thiết lập câu phức và nói được câu phức một cách hài hòa trong hành văn nói sẽ giúp người học tiếng Anh nâng cao trình độ nói của mình.

Về mặt thực hành nói, khi đã học một ngoại ngữ bất cứ SV nào cũng mong muốn có khả năng nói trôi chảy. Nói tiếng Anh trôi chảy là khả năng nói tiếng Anh một cách dễ dàng và đạt tốc độ gần với tốc độ trung bình của người bản ngữ. Trong quá trình nói, số ý tưởng phát sinh và khả năng biểu đạt ý tưởng đó phải được tiến hành liên tục để đảm bảo không có sự ngừng lại trong quá trình nói. Điều này thực sự không dễ, ngay cả với một SV tích cực học tiếng Anh. Nếu có sự ngừng lại khi nói thì chứng tỏ SV chưa có ý tưởng diễn đạt bằng tiếng Anh hoặc không có từ ngữ để biểu đạt ý tưởng. Nói trôi chảy thôi chưa đủ để đạt được kỹ năng thực hành nói tốt, mà người nói còn cần làm cho đoạn nói của mình mạch lạc. Nói cách khác, diễn đạt mạch lạc là một trong các yếu tố quan trọng trong việc thể hiện trình độ nói của SV. Đa phần người ta đều công nhận một người nói tốt chưa đủ mà còn cần phải nói hay. Một người nói hay cần phải có các ý tứ rõ ràng và biết cách liên kết các ý đó lại trong cùng một đoạn văn. Sự liên kết lại một cách đúng mức giúp cho đoạn văn trở nên sáng rõ, dễ hiểu và mạch lạc hơn. Để đảm bảo được điều ấy, SV cần nắm được rõ các từ nối và biết cách sử dụng chúng một cách nhuần nhuyễn trong quá trình giao tiếp. Đây vốn là một điều tương đối khó, đặc biệt khi học một ngoại ngữ. Khi có khả năng diễn đạt mạch lạc, trình độ nói của người học sẽ tăng lên đáng kể.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, chúng tôi nghiên cứu trên 88 SV năm thứ nhất, chưa học qua chương trình đào tạo tiếng Anh ở Học viện Quân y. Các SV có tuổi đời từ 18 đến 20, không phân biệt vùng miền, không phân biệt giới tính hoặc tôn giáo. Tất cả các SV đều được lựa chọn ngẫu nhiên, không mang tính chất áp đặt, lựa chọn cố ý của GV nhằm đảm bảo kết quả nghiên cứu là khách quan, theo đúng diễn biến của các hiện tượng tâm lý, xã hội học. Nhằm đảm bảo tính đồng nhất trong các đối tượng nghiên cứu, chúng tôi tiến hành sàng lọc sơ bộ về trình độ tiếng Anh của đối tượng nghiên cứu bằng bài kiểm tra đầu vào đơn giản. Chúng tôi không lựa chọn các SV vào trong nghiên cứu nếu các SV đó không hoặc hầu như chưa bao giờ học tiếng Anh trước đó. Chúng tôi cũng không lựa chọn các SV có điểm số tiếng Anh dưới mức 5 điểm và cũng loại ra khỏi nghiên cứu các SV có điểm số quá cao, trên 9 điểm ở bài kiểm tra đầu vào vì trình độ tiếng Anh của các em quá cao hoặc quá thấp có thể ảnh hưởng đột biến không mong muốn trong kết quả thu nhận được. Chẳng hạn như với trường hợp các em có trình độ nói tiếng Anh xuất sắc, phương pháp thuyết trình nhóm không có giá trị nâng cao trình độ nói tiếng Anh của các em này vì điểm số được giữ nguyên. Hiện tượng đó không phải do phương pháp thuyết trình nhóm không có tác dụng mà có thể là do các em có trình độ nói tiếng Anh đã tốt từ trước đó nên chúng ta không thấy được sự biến đổi hiệu quả thực sự. Những hiện tượng này làm sai lệch trong việc đánh giá đúng tác dụng bản chất của phương pháp đem lại.

Trước khi bước vào nghiên cứu, các SV được thông báo rõ mục đích của nghiên cứu, họ tình nguyện đồng ý tham gia, thể hiện tối đa năng lực vào bất kỳ thời điểm nào. Các SV có quyền từ chối tham gia với bất kỳ lý do gì trong quá trình nghiên cứu để đảm bảo tính đạo đức trong nghiên cứu thống kê xã hội học.

Toàn bộ 88 SV được chia thành 2 nhóm, nhóm nghiên cứu và nhóm đối chứng, mỗi nhóm gồm 44 SV. Ở nhóm nghiên cứu, chúng tôi áp dụng giảng dạy chương trình tiếng Anh của Học viện Quân y, sử dụng phương pháp dạy học theo định hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching Method) nhưng có thêm phương pháp thuyết trình nhóm. Kết quả từ nhóm này được sử dụng để đánh giá hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm. Nhóm đối chứng gồm 44 SV, cũng được giảng dạy chung chương trình với nhóm nghiên cứu, cũng được áp dụng phương pháp dạy học theo định hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching Method) nhưng điểm khác là không được áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm. Kết quả của nhóm này được sử dụng làm dữ liệu cơ sở đối chứng với nhóm nghiên cứu đồng thời để đánh giá mức độ biến đổi trình độ nói tiếng Anh của SV trong cùng một thời gian, một môi trường học tập. Từ đó có thể thấy rõ hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trong giảng dạy tiếng Anh đối với SV Quân y.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp can thiệp xã hội học, so sánh đối chứng giữa trước và sau khi áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm, giữa có và không có áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm. Hành vi can thiệp xã hội học ở đây là giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình nhóm.

Trước khi bước vào nghiên cứu, toàn bộ 88 SV đồng ý nghiên cứu được tiến hành kiểm tra đầu vào. Đây là một hoạt động bình thường trong giảng dạy ngoại ngữ tại Học viện Quân y. Mục đích của việc này là phân nhóm trình độ SV, từ đó có cơ sở phân chia lớp học thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 20-30 SV, để tiến hành dạy và học ngoại ngữ. Chúng tôi tiến hành kiểm tra đầu vào độc lập với nghiên cứu, nghĩa là toàn bộ 250 SV của một khóa học được đánh giá đầu vào đồng loạt mà không được thông báo về chương trình nghiên cứu sắp diễn ra nhằm tránh sự can thiệp nỗ lực từ đầu.

Sau khi sàng lọc đối tượng nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên các sinh viên đủ tiêu chuẩn. Tiếp đến, chúng tôi đánh giá trình độ nói tiếng Anh của SV trước can thiệp, thực hiện sau khi họ đã hoàn thành bài kiểm tra đầu vào và cách thời điểm này ít nhất 1 tuần, sử dụng làm bộ số liệu trước can thiệp. Sau đó, chúng tôi áp dụng chương trình can thiệp 4 tháng, giảng dạy học phần 1 của chương trình tiếng Anh đang được áp dụng tại Học viện Quân y. Ở nhóm nghiên cứu, chúng tôi giảng dạy phương pháp thuyết trình nhóm kết hợp với phương pháp dạy học theo định hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching Method), trong đó phương pháp thuyết trình nhóm chiếm 50% tổng thời gian giảng dạy. Ở nhóm đối chứng, chúng tôi áp dụng phương pháp dạy học theo định hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching Method) giống như ở nhóm nghiên cứu và không có thuyết trình nhóm. Cả 2 nhóm SV ở 2 lớp khác nhau (DH50A và DH50B) đều được áp dụng chung một chương trình dạy học (theo chương trình quy định của Học viện Quân y), cùng được một GV giảng dạy để tránh sự ảnh hưởng của trình độ GV tới sự tiến bộ của SV. Hai nhóm cùng được dạy ở một phòng học với phương tiện dạy học hiện đại nhưng ở các buổi khác nhau. Giữa 2 nhóm chỉ khác nhau duy nhất về sự có can thiệp hoặc không có can thiệp phương pháp thuyết trình nhóm. Sau khi kết thúc học phần 1, chúng tôi tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ nói tiếng Anh của SV. Cuối cùng, chúng tôi so sánh sự tiến bộ của từng sinh viên trong 1 nhóm và giữa các SV ở 2 nhóm khác nhau để đánh giá, nhận định và đưa ra các kết luận nghiên cứu.

Cách thức tiến hành thuyết trình được diễn giải cụ thể như sau: GV chia nhóm nghiên cứu thành 8 nhóm nhỏ và bầu 8 nhóm trưởng. Tiếp đến, GV cho các nhóm trưởng bốc thăm chủ đề thuyết trình của nhóm mình. Trước khi SV thực hiện thuyết trình, người GV phải giới thiệu về khái niệm và nội dung cơ bản của một bài

thuyết trình bằng tiếng Anh với ví dụ minh họa cụ thể. Các ví dụ minh họa đó được đưa ra đảm bảo ngắn gọn, dễ hiểu. Khi tất cả các SV đã hiểu và có thể làm được thuyết trình, chúng tôi mới cho các SV thực hiện. Các nhóm tiến hành bài thuyết trình theo đúng thứ tự bốc thăm vào các giờ học tiếng Anh của học phần 1.

Các chỉ số nghiên cứu bao gồm: tần số phát âm sai trọng âm, tần số sử dụng từ ngữ thiếu chính xác trong diễn đạt, tần số xuất hiện các câu phức, tốc độ nói, số lần ngừng lại ngắt quãng, tần số xuất hiện từ nối trong khi nói, số điểm kiểm tra tổng quát. Chúng tôi lựa chọn một số chỉ số trên làm công cụ đánh giá trình độ kỹ năng nói có tham khảo cách đánh giá của Hieke (Hieke, 1985) dựa trên 4 chỉ tiêu: khả năng phát âm (Pronunciation), khả năng sử dụng từ vựng (Vocabulary), tính chính xác về ngữ pháp (Accuracy of Grammar), tính trôi chảy và mạch lạc trong diễn đạt (Fluency and Coherence). Để thu thập được các chỉ số nghiên cứu nêu trên, chúng tôi tiến hành 2 bài kiểm tra kỹ năng nói của 88 SV trước và sau can thiệp. Ở mỗi bài kiểm tra, chúng tôi sắp xếp 2 GV (1 GV trực tiếp phỏng vấn SV, 1 GV ngồi bên cạnh ghi âm và ghi lại số lỗi mà SV mắc phải).

Các số liệu thu được của 2 nhóm nghiên cứu và nhóm đối chứng được xử lý trên phần mềm SPSS v.20.0 (SPSS là phần mềm xử lý thông kê sử dụng trong xã hội học và thống kê kinh tế, vật lý, y sinh học). Sự khác biệt về trình độ nói được so sánh giữa trước và sau can thiệp, giữa có can thiệp và không can thiệp, sử dụng Chi-Square Test. Mức khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

4. Kết quả nghiên cứu và diễn giải

4.1. Hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm lên khả năng phát âm

Nhằm đánh giá tính hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm lên khả năng phát âm (Pronunciation) của SV, chúng tôi tiến hành đếm số lỗi phát âm, cụ thể là phát âm sai trọng âm của SV. Kết quả được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ phát âm sai trọng âm ở các nhóm nghiên cứu (%)

Các mức độ phát âm sai	Nhóm nghiên cứu có can thiệp thuyết trình		Nhóm đối chứng không can thiệp thuyết trình	
	Trước can thiệp	Sau can thiệp	Trước can thiệp	Sau can thiệp
	(1)	(2)	(3)	(4)
Mắc lỗi rất nhiều	17	12	18	12
Mắc lỗi nhiều	55	39	53	50
Mắc lỗi ít	24	41	25	35
Hầu như không	4	8	4	3
p	$P_{21} < 0,05; P_{43} > 0,05; P_{24} < 0,05$			

Kết quả bảng 1 cho thấy, ở nhóm được can thiệp giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình nhóm, tỷ lệ SV mắc lỗi phát âm giảm từ 72% xuống còn 51% (mắc lỗi nhiều và rất nhiều), tỷ lệ SV không mắc lỗi (ít và hầu như không) tăng từ 28% lên 49%. Mức biến đổi về khả năng phát âm có sự cải thiện rõ rệt với $p < 0,05$. Trong nhóm không có sự can thiệp, tỷ lệ SV bị lỗi phát âm giảm từ 71% xuống còn 62%, tỷ lệ SV không mắc lỗi (ít và hầu như không) tăng từ 29% lên đến 38%, sự biến đổi không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. So sánh kết quả giữa 2 nhóm (cột 2 và cột 4),

kết quả cho thấy, phương pháp thuyết trình nhóm đã làm thay đổi khả năng phát âm của SV, nâng cao khả năng phát âm đúng của SV, ngoài sự tác động của phương pháp giảng dạy truyền thống tạo nên ($p < 0,05$).

4.2. Hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm lên khả năng sử dụng từ vựng

Để thực hiện được chỉ tiêu nghiên cứu này, chúng tôi phân công một GV đếm các từ SV dùng sai với ngữ cảnh cụ thể ngay tại buổi kiểm tra. Kết quả được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ dùng từ sai ở các nhóm nghiên cứu (%)

Các mức độ dùng từ sai	Nhóm nghiên cứu có can thiệp thuyết trình		Nhóm đối chứng không can thiệp thuyết trình	
	Trước can thiệp	Sau can thiệp	Trước can thiệp	Sau can thiệp
	(1)	(2)	(3)	(4)
Sai rất nhiều	29	19	30	29
Sai nhiều	55	40	56	51
Sai ít	12	31	11	17
Hầu như không	4	10	3	3
p	$P_{21} < 0,05; P_{43} > 0,05; P_{24} < 0,05$			

Theo kết quả ở bảng 2, tỷ lệ SV dùng từ sai nhiều và rất nhiều trong nhóm được can thiệp giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình nhóm giảm từ 84% xuống còn 59%, còn tỷ lệ SV dùng từ sai ít và hầu như không sai thì tăng từ 16% lên 41%. Mức biến đổi về khả năng dùng từ chưa đạt có sự cải thiện rõ rệt với $p < 0,05$. Đối với nhóm không có sự can thiệp thì tỷ lệ SV dùng từ sai nhiều và rất nhiều giảm từ 86% xuống còn 80%, tỷ lệ SV dùng từ sai ít và hầu như không tăng từ 14% lên đến 20%, sự biến đổi không có ý

nghĩa thống kê với $p > 0,05$. So sánh kết quả giữa 2 nhóm (cột 2 và cột 4), kết quả cho thấy, phương pháp thuyết trình nhóm đã có tác động tích cực lên khả năng sử dụng từ của SV ($p < 0,05$).

4.3. Hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trên khả năng biểu đạt ngữ pháp

Chúng tôi tiến hành đánh giá khả năng biểu đạt ngữ pháp của SV thông qua số lần SV sử dụng câu phức trong hành văn. Kết quả được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Tỷ lệ sử dụng câu phức ở các nhóm nghiên cứu (%)

Các mức độ dùng câu phức	Nhóm nghiên cứu có can thiệp thuyết trình		Nhóm đối chứng không can thiệp thuyết trình	
	Trước can thiệp (1)	Sau can thiệp (2)	Trước can thiệp (3)	Sau can thiệp (4)
Sử dụng tốt	15	29	13	9
Sử dụng khá	46	46	35	28
Sử dụng ít	31	21	43	50
Hầu như không	8	4	9	13
p	$P_{21} < 0,05$; $P_{43} > 0,05$; $P_{24} < 0,05$			

Kết quả bảng 3 cho thấy ở nhóm không có sự can thiệp, tỷ lệ SV sử dụng tốt và khá tốt câu phức giảm từ 48% xuống còn 37%, tỷ lệ SV sử dụng câu phức ở mức độ ít và hầu như không sử dụng tăng từ 52% lên đến 63%, sự biến đổi không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Ngược lại, ở nhóm được can thiệp giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình nhóm, tỷ lệ SV sử dụng tốt và khá tốt câu phức tăng từ 61% lên 75%, tỷ lệ SV sử dụng câu phức ở mức độ ít và hầu như không sử dụng giảm từ 39% xuống còn 25%. Mức biến đổi về khả năng sử dụng câu phức có sự cải thiện rõ rệt với $p < 0,05$. So sánh kết quả giữa 2 nhóm SV (cột 2 và cột 4) cho thấy phương pháp thuyết trình

nhóm đã làm thay đổi khả năng sử dụng câu phức của SV với $p < 0,05$.

4.4. Hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trên khả năng nói trôi chảy

Nhằm đánh giá khả năng nói trôi chảy (fluency), chúng tôi quan sát SV nói và đánh giá tốc độ nói cũng như số lần ngừng lại ngắt quãng. Kết quả được trình bày trong bảng 4.

Theo kết quả ở bảng 4, tỷ lệ SV bị ngắt quãng nhiều và rất nhiều trong quá trình thực hiện bài thuyết trình ở nhóm được can thiệp giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình nhóm giảm từ 75% xuống còn 55%, còn tỷ lệ SV ngắt quãng ít và hầu như không thì tăng từ

25% lên 45%. Mức biến đổi về khả năng nói trôi chảy có sự cải thiện rõ rệt với $p < 0,05$. Trái lại, đối với nhóm không có sự can thiệp thì tỷ lệ SV bị ngắt quãng nhiều và rất nhiều tăng nhẹ từ 75% lên 79%, còn tỷ lệ SV ngắt quãng ít và hầu như không thì giảm nhẹ từ 25% xuống 21%, sự biến đổi không có ý nghĩa thống kê

với $p > 0,05$. Kết quả so sánh giữa 2 nhóm (cột 2 và cột 4) cho thấy phương pháp thuyết trình nhóm đã có tác động tích cực lên khả năng nói trôi chảy của SV, ngoài sự tác động của phương pháp giảng dạy truyền thống tạo nên với $p < 0,05$.

Bảng 4. Tỷ lệ SV bị ngắt quãng trong khi nói ở các nhóm nghiên cứu (%)

Các mức độ ngắt quãng	Nhóm nghiên cứu có can thiệp thuyết trình		Nhóm đối chứng không can thiệp thuyết trình	
	Trước can thiệp (1)	Sau can thiệp (2)	Trước can thiệp (3)	Sau can thiệp (4)
Ngắt quãng rất nhiều	41	30	39	41
Ngắt quãng nhiều	34	25	36	38
Ngắt quãng ít	19	34	17	15
Hầu như không	6	11	8	6
p	$P_{21} < 0,05; P_{43} > 0,05; P_{24} < 0,05$			

4.5. Hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trên khả năng diễn đạt mạch lạc

Lượng giá hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trên khả năng diễn đạt

mạch lạc của SV, chúng tôi tiến hành đếm số từ nối mà SV sử dụng trong khi thực hiện bài kiểm tra nói theo dạng thức KET. Kết quả được trình bày trong bảng 5.

Bảng 5. Mức độ sử dụng từ nối ở các nhóm nghiên cứu (%)

Các mức độ sử dụng từ nối	Nhóm nghiên cứu có can thiệp thuyết trình		Nhóm đối chứng không can thiệp thuyết trình	
	Trước can thiệp (1)	Sau can thiệp (2)	Trước can thiệp (3)	Sau can thiệp (4)
Sử dụng thành thạo	24	31	19	20
Sử dụng khá	43	46	40	42
Sử dụng trung bình	22	19	28	26
Ít, hầu như không	11	4	13	12
p	$P_{21} < 0,05; P_{43} > 0,05; P_{24} < 0,05$			

Kết quả bảng 5 cho thấy ở nhóm không có sự can thiệp của phương pháp thuyết trình nhóm, tỷ lệ SV sử dụng khá tốt và thành thạo

các từ nối trong quá trình thuyết trình tăng từ 59% lên 62%, tỷ lệ SV sử dụng các từ nối ở mức độ trung bình và ít giảm từ 41% xuống

38%, sự biến đổi không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Đối với nhóm được can thiệp giảng dạy bằng phương pháp thuyết trình nhóm, tỷ lệ SV sử dụng tốt và khá tốt các từ nổi tăng từ 67% lên 77%, tỷ lệ SV sử dụng từ nổi ở mức độ trung bình và ít hoặc hầu như không sử dụng giảm từ 33% xuống còn 23%. Mức biến đổi về khả năng sử dụng từ nổi có sự cải

thiện rõ rệt với $p < 0,05$. So sánh kết quả giữa 2 nhóm SV (cột 2 và cột 4) cho thấy phương pháp thuyết trình nhóm đã làm thay đổi khả năng sử dụng từ nổi của SV với $p < 0,05$.

4.6. Hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm trên trình độ nói tiếng Anh tổng quát

Kết quả được trình bày trong bảng 6:

Bảng 6. Kết quả kiểm tra trình độ nói tiếng Anh tổng quát ở các nhóm nghiên cứu (%)

Trình độ nói	Nhóm nghiên cứu có can thiệp thuyết trình		Nhóm đối chứng không can thiệp thuyết trình	
	Trước can thiệp (1)	Sau can thiệp (2)	Trước can thiệp (3)	Sau can thiệp (4)
Giỏi	9	20	13	11
Khá	34	54	39	41
Trung bình	48	24	41	41
Không đạt	9	2	7	7
p	$P_{21} < 0,05$; $P_{43} > 0,05$; $P_{24} < 0,05$			

Sau khi áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm trên nhóm SV được chọn nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có sự thay đổi trên thang điểm kỹ năng nói của các em. Cụ thể, kết quả trong bảng 6 cho thấy, tỷ lệ SV có trình độ nói thuộc loại khá, giỏi đã tăng lên đáng kể. Tỷ lệ SV giỏi tăng từ 9% lên 20%, khá tăng từ 34% lên 54%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p_{21} < 0,05$. Các số liệu này đã chứng minh rằng phương pháp thuyết trình nhóm có hiệu quả làm nâng cao khả năng nói của SV.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận, sau một thời gian được học và tiếp xúc với tiếng Anh, trình độ nói của học viên sẽ tăng lên dần. Nhằm xác định thực sự mức độ cải thiện trình độ nói của học viên có thu được từ phương pháp thuyết trình nhóm không, chúng tôi cần xác định mức độ cải thiện do sự tiếp xúc với tiếng Anh lâu tạo nên. Chúng tôi tạm gọi là mức tăng cơ sở và được tiến hành trên nhóm đối chứng đang được áp dụng phương pháp

giảng dạy truyền thống tại Học viện Quân y. Các số liệu trong bảng 6 cho thấy, sau khi được áp dụng giảng dạy theo phương pháp truyền thống, trình độ nói của SV có sự khác biệt nhất định. Tỷ lệ SV đạt trình độ nói giỏi giảm nhẹ từ 13% xuống còn 11% (tuy nhiên tỷ lệ giảm này không có ý nghĩa thống kê vì $P_{43} > 0,05$), số SV ở trình độ nói khá lại tăng thêm 2%, còn SV có trình độ nói trung bình và không đạt vẫn giữ nguyên với tỷ lệ lần lượt là 41% và 7%. Như vậy, trình độ nói cơ sở có sự biến động nhưng chưa tạo ra sự khác biệt quá lớn so với ban đầu (có thể do thời gian giảng dạy 1 kỳ vẫn chưa tạo ra sự biến chuyển trình độ cơ sở rõ) và có thể không tạo ra tác dụng rõ nét so với phương pháp thuyết trình nhóm. Để xác định điều đó, chúng tôi tiến hành so sánh thang điểm của 2 nhóm SV sau can thiệp. Bảng 6 cho thấy kết quả đánh giá kỹ năng nói của 2 nhóm: nhóm nghiên cứu và nhóm đối chứng. Các tỷ lệ lần lượt giữa 2 nhóm là: giỏi 20% và 11%; khá là 54% và 41%; trung bình

là 24% và 41% ; không đạt là 2% và 7%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $P_{24} < 0,05$. Các số liệu này một lần nữa chứng minh rằng phương pháp thuyết trình nhóm có hiệu quả tích cực đối với khả năng nói của SV.

4.7. Thái độ của SV với phương pháp thuyết trình nhóm

Với kết quả khá tốt ở trên, có thể thấy phương pháp thuyết trình nhóm có tác dụng giúp cải thiện trình độ nói của SV Quân y nói

riêng (và có thể SV các chuyên ngành khác nói chung). Tuy nhiên, một phương pháp có giá trị cải thiện trình độ người học có thể được áp dụng đại trà hay không, ngoài tính hiệu quả của nó, còn cần khả năng tương hợp của nó với người học. SV, chủ thể của quá trình đào tạo, phải thấy thích hợp và sẵn sàng tiếp nhận thì hiệu quả của quá trình đào tạo ngoại ngữ mới thành công. Chúng tôi thăm dò thử thái độ của SV Quân y với phương pháp thuyết trình nhóm, kết quả thu được trong bảng 7.

Bảng 7. Thái độ của SV với phương pháp thuyết trình nhóm (%)

Thái độ yêu thích	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất thích	15	34
Thích	27	62
Bình thường	2	4
Không thích	0	0
Tổng số	44	100

Các số liệu trong bảng 7 cho thấy phần lớn SV được hỏi (96%) rất thích hoặc thích GV áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm trong các giờ học tiếng Anh tại Học viện Quân y. Chỉ có 2 SV chiếm 4% tổng số đối tượng nghiên cứu có thái độ bình thường đối với phương pháp này. Điều đó chứng minh rằng phương pháp thuyết trình nhóm đã nhận được sự yêu thích của hầu hết SV trong nhóm nghiên cứu.

5. Kết luận

Qua các kết quả nghiên cứu ở trên, chúng tôi rút ra một số kết luận về hiệu quả của phương pháp thuyết trình nhóm như sau:

- Phương pháp thuyết trình nhóm có khả năng cải thiện kỹ năng phát âm của SV Quân y. Phương pháp này có thể giúp SV nâng cao khả năng phát âm chuẩn xác, không bị lỗi về phát âm sai trọng âm. Tăng tỷ lệ phát âm đúng, chuẩn (mắc lỗi ít và hầu như không) từ 28% lên 49%.

- Phương pháp thuyết trình nhóm có khả năng cải thiện kỹ năng từ vựng của SV. Phương pháp này có thể làm nâng cao trình độ sử dụng từ vựng, giúp cho việc sử dụng từ thành thạo, đúng nghĩa và gần với ý định mà họ định trình bày. Khả năng dùng từ đúng, chuẩn (mắc lỗi ít và hầu như không) tăng từ 16% lên đến 41%.

- Phương pháp thuyết trình nhóm có khả năng cải thiện kỹ năng ngữ pháp của SV Quân y. Sau khi áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm, SV đã tăng khả năng sử dụng các câu phức xen kẽ vào các câu đơn. Mức độ sử dụng câu phức thành thạo và thường xuyên (khá và tốt) tăng từ 61% lên đến 75%.

- Phương pháp thuyết trình nhóm có khả năng nâng cao khả năng nói trôi chảy. Kết quả đã cho thấy, tỷ lệ người nói lưu loát, không bị ngắt quãng (ngắt quãng ít và hầu như không) tăng từ 25% lên đến 45%.

- Phương pháp thuyết trình nhóm có khả năng tăng mức độ mạch lạc trong hành văn

nói của SV. Nó giúp cho người học biết cách diễn đạt ý tưởng và biểu đạt ý tưởng sáng rõ bằng cách kết hợp với các từ nối. Tỷ lệ sử dụng từ nối tốt (thành thạo và khá) tăng từ 67% lên đến 77%.

- Hiệu quả trình độ nói tổng quát của SV tăng sau khi áp dụng phương pháp thuyết trình nhóm. Tỷ lệ SV có điểm khá, giỏi tăng từ 43% lên đến 74%.

- Đa phần SV tỏ ra thích thú với phương pháp thuyết trình nhóm. Tỷ lệ SV yêu thích (thích và rất thích) là 96%. Không có SV nào tỏ ra không phù hợp với phương pháp thuyết trình nhóm (0%).

Lời cảm ơn

Đề tài được thực hiện với sự tài trợ của Quỹ Phát triển nghiên cứu cơ sở của Học viện Quân y năm 2016.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020*. Hà Nội.

Đào Thị Diệu Linh (2017). Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ghi nhớ từ tiếng Anh của học sinh lớp 6. *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài*, 33(5), tr. 66-76.

Tiếng Anh

Apple, M., & Kikuchi, K. (2007). Practical powerpoint group projects for the EFL classroom.

The JALT CALL Journal, 3(3), 110-122.

Baker, A. (2000). *Improve your Communication Skill*. London: Kogan Page.

Baker, L. & Emden, J.V (2004). *Presentation Skill for Students*. London: Plogrove Macmillan.

Cambridge ESOL (2003). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge: Cambridge University Press.

Cambridge ESOL (2003). *Cambridge Key English Test 2*. Cambridge: Cambridge University Press.

David Crystal (2003). *English as a global language*, 2nd Edition. Cambridge: Cambridge University Press

Grussendorf, M. (2007). *English for presentations*. Oxford, England: Oxford University Press.

Harmer, J. (2000). *How to Teach English*. London: Foreign Language Teaching and Research Press.

Hieke, A (1985). *A Componential Approach to Oral Fluency Evaluation*. *The Modern Language Journal*. LXIX/2: 135-42.

International Phonetic Association (1999). *Handbook of the International Phonetic Association: A guide to the use of the International Phonetic Alphabet*. Cambridge: Cambridge University Press.

Krashen, S. D. (1982). *Principles and Practice in Second Language Acquisition*. New York: Pergamon Press.

Mandel, S. (2000). *Effective Presentation Skill: A Practical Guide to Better Speaking*. United States of America: Crisp Learning Publisher.

Mark Powell (2002). *Presenting in English*. England: Thomson Heinle Publisher.

Mark Powell (2011). *Dynamic Presentations*. Cambridge: Cambridge University Press.

Simons GF., Charles DF et al (2017). *English*. <https://www.ethnologue.com/language/eng>, accessed 2/12/2017, 10:00.

Ur, P. (2000). *A course in language teaching: Practice and theory*. Cambridge: Cambridge University Press.

Weiss, C.H (1972). *Evaluation Research. Methods and Practice. Program Effectives*. Englewood Cliffs, N.J Prentice-Hall.

A RESEARCH ON THE EFFECTS OF GROUP PRESENTATIONS ON SPEAKING SKILL OF FIRST-YEAR STUDENTS AT VIETNAM MILITARY MEDICAL UNIVERSITY

Nguyen Thi Thu Hien

*Department of Foreign Languages, Vietnam Military Medical University,
160 Phung Hung, Phuc La, Ha Dong, Ha Noi, Vietnam*

Abstract: Speaking skill plays a fundamental part in learning foreign languages in general and English in particular. Proficiency in speaking skill is the result of constant effort of both teachers and learners. Consequently, in the role of instructors, all English teachers of Foreign Languages Department, Vietnam Military Medical University always try their best to apply various teaching methods in order to enhance students' speaking skill, which includes group presentation. With the aim of assessing the effects of group presentations on speaking skill of military students, we carried out a research on 88 first-year students of Vietnam Military Medical University using such methods as survey questionnaires, observation and intervention. The results show that doing group presentation has contributed considerably to learners' speaking skill in terms of Pronunciation, Vocabulary, Grammar and Fluency.

Keywords: group presentation, speaking skill, first-year students